| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẤT ĐỎ**<br>**TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 37/2019/HSST
Ngày 08- 08- 2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

+ Ông Nguyễn Văn Hà

+ Bà Bùi Thị Kim Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa*: Bà Trần K Quế- Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Hữu T- Sinh năm: 1969 tại Bà Rịa – Vũng Tàu.
Nơi cư trú: Tổ 17, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh BRVT.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Vợ Bùi Thị Mai C- sinh năm: 1972.

Bị cáo có 02 người con, con thứ nhất sinh năm 1992, con thứ hai sinh năm 2001.

Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 6 anh, chị em.

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân:

-Ngày 03/02/1997, Phạm Hữu T bị TAND huyện L, tỉnh BR-VT xử phạt 10 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản";

-Ngày 12/01/1998, Phạm Hữu T bị TAND huyện L, tỉnh BR-VT xử phạt 08 tháng tù giam về tội "Đánh bạc"

-Ngày 20/11/2002, Phạm Hữu T bị TAND huyện X, tỉnh BR-VT xử phạt 20 tháng tù về tội về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

-Ngày 07/06/2005, Phạm Hữu T bị TAND huyện Đ, tỉnh BR-VT xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; 18 tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt chung là 54 tháng tù giam (chấp hành xong bản án ngày 23/03/2009)

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/12/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1. Bà Võ Thị H , sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 23 ấp A, xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

2. Ông Nguyễn T P , sinh năm 1982 (Vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

3. Bà Lê Thị Kim T1, sinh năm 1988 (Vắng mặt);
Địa chỉ: khu phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh BR-VT

4. Ông Nguyễn L , sinh năm 1985 (Có mặt);
Địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh BR-VT

5. Công ty TNHH P

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Phi H- Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

*Đại diện theo ủy quyền*: Ông Trần Hữu K- Chức vụ: Quản lý (Theo giấy ủy quyền ngày 4/3/2019); Địa chỉ: Lộ 328 ấp T, xã P, huyện X, tỉnh BR-VT (Có mặt);

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:

1. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1965 (Có mặt);
Địa chỉ: Tổ 15 ấp L, xã P, huyện L, tỉnh BR-VT

2. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1976 (Vắng mặt);
Địa chỉ: 657 CMT8, phường L, TP. B, tỉnh BR-VT

3. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1974 (Vắng mặt);
Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

4. Ông Chế Kim T2 , sinh năm 1982 (Có mặt);
Địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh BR-VT

5. Ông Phạm Thế M, sinh năm 1972 (Vắng mặt);
Địa chỉ: khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh BR-VT

6. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ 11 ấp T, xã P, huyện X, tỉnh BR-VT

7. Ông Nguyễn Quốc Q, sinh năm 1983 (Có mặt);
Địa chỉ: Tổ 8 ấp N, xã X, huyện X, tỉnh BR-VT.

8. Ông Nguyễn Quốc E, sinh năm 1957 (Có mặt);
Địa chỉ:KP.T, thị trấn P, huyện X, tỉnh BR-VT

9. Bà Bùi Thị Mai C, sinh năm 1972 (Có mặt);
Địa chỉ: Tổ 17 ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

10. Ông Nguyễn Ngọc U- sinh năm: 1980 (Vắng mặt);
Địa chỉ: KP. P, thị trấn P, huyện X, tỉnh BR-VT

*Đại diện theo ủy quyền*: Bà Nguyễn Thị Thu Đ- sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp

V, xã P, huyện X, tỉnh BR-VT (Theo giấy ủy quyền ngày 23/01/2019) (Vắng mặt);

11. Bà Nguyễn Thị Thu Đ, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện X, tỉnh BR-VT.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 21/12/2018, Phạm Hữu T đi xe máy biển số 72H1- 215.59 đến cửa hàng vật liệu xây dựng T tọa lạc ấp A, xã L, huyện Đ do chị Võ Thị H làm chủ. Tại đây, T nói với chị H bán cho mình vật liệu xây nhà bao gồm 400 kg sắt xây dựng loại phi 6; 500kg sắt xây dựng loại phi 8; 10 cây sắt xây dựng loại phi 12 và 20 cây sắt xây dựng loại phi 14. Sáng ngày 22/12/2018, chị H giao vật liệu đến cho T tại địa điểm là bãi đất trống thuộc xã P, huyện Đ. Khoảng 1 tiếng sau khi nhận, T thuê xe ba gác của ông Chế Kim T2 và Phạm Thế M đến để chở đi bán lấy tiền tiêu xài. Tuy nhiên, khi đang bốc vật liệu trên xe thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Đất Đỏ bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Ngoài ra, trước khi bắt quả tang, T thực hiện nhiều vụ chiếm đoạt tài sản khác cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 04/12/2018, Phạm Hữu T đến cửa hàng vật liệu xây dựng T Phúc II thuộc KP. P, TT. Đ, huyện Đ do Nguyễn P làm chủ. T xưng tên là O và hỏi mua 600 kg sắt xây dựng loại phi 6, 407 kg sắt loại phi 8, 30 cây sắt loại phi 12, 10 kg kẽm, 10 khối cát, 05 khối đá, 20 thiên gạch và 01 thùng mủ nhưng không đặt cọc tiền và yêu cầu cửa hàng đem số vật liệu xây dựng đến bãi đất trống thuộc khu phố T, thị trấn Đ giao nhằm mục đích xây nhà. Sau khi nhận vật liệu, T đã thuê xe ba gác chở toàn bộ sắt và kẽm đến cửa hàng vật liệu xây dựng K thuộc ấp T, xã L, huyện Đ do anh Nguyễn Văn K làm chủ để bán cho anh K được số tiền 13.000.000 đồng. Số vật liệu cát, đá, gạch và thùng mủ, T hỏi mua để tạo sự tin tưởng đối với anh P, T không chiếm đoạt và anh P đã chở đi bán cho những khách hàng khác.

Vụ thứ hai: Ngày 06/12/2018, T đến cửa hàng vật liệu xây dựng Thuận P thuộc ấp P, xã H, huyện L gặp chị Lê Thị Kim T1 là chủ.T xưng tên là B rồi hỏi mua 15.000 viên gạch, 105 bao xi măng hiệu Hà Tiên; 550 kg sắt loại phi 6; 450 kg sắt loại phi 8; 30 cây sắt phi 12; 20 cây sắt phi 14; 15 cây sắt phi 16; 10 kg kẽm bô; 02 cửa sổ nhôm kính loại 80 x100cm; 01 cửa sổ nhôm kính loại 100 x 120cm; 02 cửa phòng nhôm kính loại 70 x 190 cm và yêu cầu cửa hàng giao tại bãi đất trống thuộc khu phố H, thị trấn L. Sau khi nhận tài sản trên, T thuê xe cẩu và xe ba gác chở 05 cửa nhôm kính bán cho ông Bùi Văn H được 1.600.000 đồng; bán 550 kg sắt phi 6 và 450 kg loại phi 8 cho Phạm Văn T3 được 5.600.000 đồng; Số còn lại gồm 30 cây sắt phi 12; 20 cây sắt phi 14; 15 cây sắt phi 16; 10 kg kẽm xây dựng T bán cho cửa hàng vật liệu xây dựng K được 9.350.000 đồng. Số gạch 15.000 viên, T không chiếm đoạt nên chị T1 chở về cửa hàng.

Vụ thứ ba: Ngày 14/12/2018, T đến công ty TNHH P thuộc ấp T, xã P huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. T xưng tên là V rồi hỏi mua 10 thiên gạch; 100 bao xi măng hãng Hà Tiên; 300kg sắt loại phi 6; 400kg sắt loại phi 8; 15 cây sắt phi 12; 15 cây sắt loại phi 14; 05 kg kẽm bô; 05 kg đinh loại 05 phân để làm nhà. Sau khi đặt mua, T yêu cầu chuyển trước 300 kg sắt xây dựng loại phi 6; 400 kg sắt xây dựng loại phi 8; 15 cây sắt phi 12; 15 cây sắt loại phi 14; 05 kg kẽm bô; 05 kg đinh loại 05 phân tới bãi đất trống thuộc ấp T, xã P, huyện X. Sau khi nhận được sắt, kẽm thì T thuê ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Quốc Q và Nguyễn Quốc E chở đến cửa hàng vật liệu U do anh Nguyễn Ngọc U làm chủ và chị Nguyễn Thị Thu Đ là nhân viên trực tiếp mua, T bán được số tiền 18.090.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 51/KLĐGTS - HĐĐG ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đ kết luận: 400 kg sắt loại phi 6; 500kg sắt xây dựng loại phi 8; 10 cây sắt loại phi 12 và 20 cây sắt loại phi 14 tại thời điểm T chiếm đoạt của chị H trị giá 20.610.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 12/KLĐGTS - HĐĐG ngày 01/03/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đ kết luận: 600 kg sắt loại phi 6; 407 kg sắt loại phi 8; 30 cây sắt loại phi 12; 10 kg kẽm bô T chiếm đoạt của anh Nguyễn P trị giá 21.335.500 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 09/KL- HĐĐG ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu kết luận: 105 bao xi măng hiệu Hà Tiên; 550 kg sắt loại phi 6; 450 kg sắt loại phi 8; 30 cây sắt phi 12; 20 cây sắt phi 14; 15 cây sắt phi 16; 10 kg kẽm; 02 cửa sổ nhôm kính loại 80 x100cm; 01 cửa sổ nhôm kính loại 100 x 120cm; 02 cửa phòng ngủ nhôm kính loại 70 x 190 cm T chiếm đoạt của chị T1 trị giá 43.130.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 09/KL- HĐĐG ngày 22/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu kết luận: 300 kg sắt xây dựng loại phi 6; 400 kg sắt loại phi 8; 15 cây sắt phi 12; 15 cây sắt loại phi 14; 05 kg kẽm; 05 kg đinh loại 05 phân T chiếm đoạt của công ty TNHH P trị giá 16.345.000 đồng.

Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Cơ quan CSĐT công an huyện Đ trả lại 400 kg sắt loại phi 6; 500kg sắt loại phi 8; 10 cây sắt xây dựng loại phi 12 và 20 cây sắt xây dựng loại phi 14 cho chị Võ Thị H.

Cơ quan CSĐT công an huyện L trả lại cho chị Lê Thị Kim T1 550 kg sắt loại phi 6 và phi 8; 02 cửa sổ nhôm loại 80x 100cm; 01 cửa sổ loại 100 x 120cm và 05 cây sắt phi 16.

Đối với số tài sản T chiếm đoạt còn lại: Ông Nguyễn Văn K, Bùi Văn H, Phạm Văn T3 và Nguyễn Thị Thu Đ đã bán cho khách hàng nhưng không rõ lai lịch nên không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Qúa trình điều tra, chị Võ Thị H đã nhận lại đủ tài sản nên không cố yêu cầu gì; Anh Nguyễn P đã được bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác; ông Nguyễn L và bà Lê Thị Kim T1 đã được bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000đồng và còn lại yêu cầu là 19.143.000đồng; Công ty TNHH P yêu cầu bồi thường số tiền 16.345.000đồng.

Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát huyện Đất Đỏ truy tố bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nội dung cáo trạng đồng thời thống nhất về điều luật, tội danh đã truy tố, không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trình bày luận tội:

+ Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 14 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Hữu T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015; điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo T từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù;

+ Về hình phạt bổ sung: Không có yêu cầu.

+ Về vật chứng: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 tịch thu sung ngân quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia, Imel: 358991099993303 và hoàn trả cho bà C 01 xe máy biển số 72H1- 215.59 đang tạm giữ.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về số tiền bồi thường giữa bị cáo và những bị hại.

- Bị cáo thống nhất với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và việc đề nghị xử lý vật chứng. Về trách nhiệm dân sự thì đồng ý bồi thường số tiền thiệt hại cho các bị hại theo như yêu cầu.

- Ý kiến của các bị hại tại phiên tòa và lời khai tại cơ quan điều tra: Công ty TNHH P đề nghị bị cáo T phải bồi thường số tiền là 16.345.000đồng; Bà Lê Thị Kim T1 và ông Nguyễn L yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền là 19.143.000đồng. Các bị hại còn lại, không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm. Về hình phạt, bà Võ Thị H và ông Nguyễn L đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn K, Bùi Văn H, Phạm Văn T3, Nguyễn Ngọc U, Nguyễn Thị Thu Đ khai không biết mua tài sản do bị cáo T phạm tội mà có và nhất trí không yêu cầu bồi thường gì.

- Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Chế Kim T2, Phạm Thế M, Nguyễn Văn D, Nguyễn Quốc Q và Nguyễn Quốc E khai không biết chở tài sản do bị cáo phạm tội mà có và không có yêu cầu gì bồi thường gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là sai, bị cáo thấy hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về hòa nhập cộng đồng và có cơ hội lao động để sớm bồi thường số tiền thiệt hại còn lại cho các bị hại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng**: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó, xác định được rằng: Trong khoảng thời gian từ 4-12-2018 đến 22-12-2018, bị cáo Phạm Hữu T đã 04 lần thực hiện hành vi gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Phương thức và thủ đoạn thực hiện như sau: Trước tiên, bị cáo tìm những khu đất trống tại địa điểm gần cửa hàng, công ty bán vật liệu xây dựng mà bị cáo muốn chiếm đoạt. Sau đó, bị cáo đến đặt mua gạch, xi măng, sắt, thép, kẽm…và nói dối với bên bán rằng dùng để xây nhà tại các khu đất trống này nhằm tạo niềm tin và không phải đưa trước tiền cọc. Khi những chủ cửa hàng, công ty tin tưởng, giao hàng đến thì bị cáo T nhanh chóng thuê người chở số vật liệu mình mong muốn chiếm đoạt đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Theo kết quả định giá thì tổng số tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại Võ Thị H , Lê Thị Kim T1, Nguyễn P và Công ty TNHH P có giá trị bằng tiền là 101.420.500đồng (Một trăm lẻ một triệu bốn trăm hai mươi ngàn năm trăm đồng). Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự

[**3**] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội*:

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của những bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và muốn có tiền tiêu xài, ý thức xem thường pháp luật nên đã cố ý phạm tội. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về những hành vi vi phạm pháp luật khác nhau, trong đó có 3 lần là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản người khác. Do đó, cần phải

có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[**4**] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

4.1. *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo Phạm Hữu T có 04 lần thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản mỗi lần chiếm đoạt đều đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự nêu áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*phạm tội 02 trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015.

4.2. *Về tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại và các bị hại (bà Võ Thị H , ông Nguyễn L ) có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

[**5**] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm thì bị cáo T còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, xét bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[**6**] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và các bị hại thỏa thuận được với nhau về số tiền bồi thường do tài sản bị chiếm đoạt như sau: Bị cáo đồng ý bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Nguyễn L số tiền 19.143.000 đồng; đồng ý bồi thường cho Công ty TNHH P số tiền 16.345.000 đồng. Xét việc thỏa thuận của bị cáo và các bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với những người liên quan, không ai có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

[**7**] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Đối với chiếc xe máy biển số 72H1- 215.59, số khung 3902HY135709, số máy JA39E0135735 do bà Bùi Thị Mai C đứng tên chủ sở hữu, là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, xét đây là phương tiện sinh hoạt thiết yếu trong gia đình đồng thời khi bị cáo lấy xe đi làm phương tiện phạm tội, bà C không biết nên hoàn trả lại cho bà C.

- Đối với điện thoại di động hiệu Nokia, Imel: 358991099993303 là tài sản cá nhân của bị cáo và đã dùng vào mục đích phạm tội nên tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Văn K, Bùi Văn Hóa, Phạm Văn T3, Nguyễn Thị Thu Đ, Chế Kim T2 , Phạm Thế M, Nguyễn Văn D, Nguyễn Quốc Q và Nguyễn Quốc E khi mua hoặc chở vật liệu không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hữu T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 38, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hữu T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ là 6 ngày (Từ ngày 22/12/2018 đến 28/12/2018).

**2. Về trách nhiệm dân sự**: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

- Phạm Hữu T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Nguyễn L số tiền 19.143.000 đồng (Mười chín triệu một trăm bốn mươi ba ngàn triệu đồng).

- Phạm Hữu T có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH P số tiền 16.345.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

**3. Về xử lý vật chứng**: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, Imel: 358991099993303 (điện thoại đã qua sử dụng).

- Hoàn trả cho bà Bùi Thị Mai C 01 (Một) chiếc xe máy biển số 72H1-215.59, số khung 3902HY135709, số máy JA39E0135735 (đã qua sử dụng).

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 34/BB ngày 16 tháng 5 năm 2019).

**4. Về án phí**: Bị cáo Phạm Hữu T phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 1.774.400đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

**5.** Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

*án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- Công an huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
***(Đã ký)***

**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**